

CÔNG TY TNHH COCO TRADING
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH COCO TRADING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: COCO TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: COCOT CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107507956

3. Ngày thành lập: 14/07/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 131, phố Bùi Thị Xuân, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa có mã HS: 0801, 0802, 0813, 0901, 0902, 0904, 0905, 0906, 0910, 1702, 2007, 2008, 2101, 3301, 2501,	4690
2.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu hàng hóa có mã HS: 0801, 0802, 0813, 0901, 0902, 0904, 0905, 0906, 0910, 1702, 2007, 2008, 2101, 3301, 2501, 1207, 1213, 2303 và 2306;	8299(Chính)
3.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý (trừ thuế kinh doanh) (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) (Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và chỉ kinh doanh các ngành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan cũng như các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia).	7020

6. Vốn điều lệ: 1.760.000.000 VNĐ

(*Tương đương 80.000 USD - Tám mươi nghìn đô la Mỹ*)

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TAKAGAWA TAISUKE	1613 - 1, Kashufukui, Minamiawaji - shi, Hyogo - ken, Nhật Bản	1.584.000.000	90,000	TH6232760	
2	TOMITA MIDORI	Susaki - machi, Hanata - ku, Fukuoka - shi, Fukuoka - ken, Nhật Bản	176.000.000	10,000	TZ0547166	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: SHIOKAWA MINORU

Giới tính: Nam

Chức danh: Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 12/06/1983

Dân tộc: Quốc tịch:

Nhật Bản

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: TR1732488

Ngày cấp: 25/04/2014

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Nhật Bản

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 539 - 2, Ichifukunaga, Minamiawaji - shi, Hyogo - ken, Nhật Bản

Chỗ ở hiện tại: Số 25/3 Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

* Họ và tên: TAKAGAWA TAISUKE

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 04/01/1977

Dân tộc: Quốc tịch:

Nhật Bản

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: TH6232760

Ngày cấp: 12/06/2008

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Nhật Bản

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1613 - 1, Kashufukui, Minamiawaji - shi, Hyogo - ken, Nhật Bản

Chỗ ở hiện tại: 202 Pal Village, 8 - 2 -25 Uenodori, Nada - ku, Kobe - shi, Hyogo - ken, Nhật Bản

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội